

Số: **64/2019/QĐST-HNGĐ**

Bình Đại, ngày 07 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 239/2018/TLST – DS ngày 23 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Huy H**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Đỗ Thị N**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Đức H, sinh năm 2001

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Huy H và chị Đỗ Thị N, cháu Nguyễn Đức H đã thống nhất tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn giữa anh H, chị N và có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định với nội dung thỏa thuận như sau:

2.1. Anh Nguyễn Huy H được chia những tài sản:

+ Phần diện tích đất 226.4m² thuộc thửa 21, tờ bản đồ số 6 xã H, trong đó mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn: 204,5m², đất chuyên trồng lúa nước: 21.9m² do cháu Nguyễn Đức H, sinh năm 2001 đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có người giám hộ là bà Đỗ Thị N, giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ

460296 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp vào ngày 14/02/2019 theo sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02993.

+ Đồng thời anh Nguyễn Huy H được sở hữu phần căn nhà gắn liền trên phần diện tích đất được chia, căn nhà có diện tích 16.4m² có kết cấu nền móng cột bê tông cốt thép, tường bao che xây gạch dày 200, tường ngăn phòng xây gạch dày 100, nền lát gạch Ceramit, trần thạch cao, mái ngói, tường sơn nước. *(Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 10/8/2018 tại thửa số 6, tờ bản đồ số 6 xã H).*

Thực tế anh H đang quản lý sử dụng các tài sản này.

2.2. Chị Đỗ Thị N được chia những tài sản:

+ Phần diện tích đất 521.5m² thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 6 xã H, có mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, do cháu Nguyễn Đức H, sinh năm 2001 đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có người giám hộ là bà Đỗ Thị N, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 406145 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp vào ngày 14/01/2019, theo sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS02992.

+ Đồng thời chị Đỗ Thị N được sở hữu phần ngôi nhà gắn liền trên phần diện tích đất được chia, ngôi nhà có diện tích 157.2m² có kết cấu nền móng cột bê tông cốt thép, tường bao che xây gạch dày 200, tường ngăn phòng xây gạch dày 100, nền lát gạch Ceramit, trần thạch cao, mái ngói, tường sơn nước. *(Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 10/8/2018 tại thửa số 6, tờ bản đồ số 6 xã H).*

Thực tế chị N đang quản lý sử dụng các tài sản này.

2.3. Cháu Nguyễn Đức H đồng ý có nghĩa vụ sang tên lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do cháu đang đứng tên tại các thửa đất nêu trên qua cho anh Nguyễn Huy H và chị Đỗ Thị N theo phần diện tích đất mà anh H, chị N đã thống nhất phân chia.

2.4. Cháu Nguyễn Đức H, anh Nguyễn Huy H và chị Đỗ Thị N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất từ tên Nguyễn Đức H qua cho anh Nguyễn Huy H và chị Đỗ Thị N theo diện tích nêu trên.

2.5. Về chi phí tố tụng: Với số tiền 2.706.900 đồng (Hai triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn chín trăm đồng), gồm đo đạc: 1.846.900 đồng, định giá 860.000 đồng. Phần chi phí này anh H tự nguyện chịu toàn bộ. Thực tế anh H đã nộp xong.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Huy H và chị Đỗ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung. (do anh H và chị N tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn và có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án).

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Anh Nguyễn Huy H phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Huy H đã nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015145 ngày 16 tháng 5 năm 2018 và 2.036.700 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0019420 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, anh Nguyễn Huy H được hoàn lại số tiền chênh lệch là 3.461.700 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm đồng).

Chị Đỗ Thị N phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

